TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 55/2023/DS-GĐT
Ngày 29/11/2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có*:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Trần Hồng Hà;

Ông Nguyễn Hồng Nam;

Bà Lương Ngọc Trâm;

Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: Số nhà 45, Ngõ 57 đường Hữu N, Tổ dân phố 15, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Lan H sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ dân phố số 1 Phương X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Ngọc Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, ủy quyền cho ông Nguyễn Thăng L, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường Uỷ ban nhân dân

thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (Theo Văn bản ủy quyền số 6148/QĐ-UBND ngày 25/10/2021).

2. Ủy ban nhân dân phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn T1, chức vụ: Chủ tịch, ủy quyền cho ông Dương Tiến Đ1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bắc N (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022).

3. Bà Trương Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: K146/41 Phan Văn Đ, phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng.

4. Bà Trương Thị Thúy C, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ dân phố số 3 Phương X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

5. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Trương Minh T3 (đã chết) gồm:

5.1. Anh Trương Minh D, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ dân phố số 1 Phương X, phường Bắc Ninh, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

5.2. Anh Trương Xuân K, sinh năm 1977; cư trú tại: Thị xã Phú M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.3. Chị Trương Thị T4, sinh năm 1982; cư trú tại: Xã Đức N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện hợp pháp của anh D, anh K, chị T là bà Trương Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: Số nhà 45, Ngõ 57 đường Hữu N, Tổ dân phố 15, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2021 và ngày 08/11/2021).

6. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Trương Minh T5 (đã chết), gồm:

6.1. Chị Trương Thị Hoài P, sinh năm 1988;

6.2. Anh Trương Minh T6, sinh năm 1988;

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố số 1 Phương X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trương Thị T trình bày:

Vợ chồng cụ Trương T7 (chết năm 1993) và cụ Ngô Thị H1 (chết năm 2005), sinh được 07 người con gồm: bà Trương Thị A (chết lúc còn nhỏ), ông Trương Văn T8 (liệt sỹ, hy sinh năm 1972), ông Trương Minh T3 (chết năm 2000), bà Trương Thị T2, ông Trương Minh T5 (chết năm 2012), bà Trương Thị Thuý C và bà.

Quá trình sinh sống cụ T7, cụ H1 tạo dựng được khối tài sản là ngôi nhà

cấp 4 ba gian, lợp ngói tại thửa đất số 217, tờ bản đồ 299, xã NgN lập năm 1993 (nay là thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42 tại Tổ dân phố 1 Phương X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình) do cụ T7 đứng tên.

Sau khi cụ T7 chết, cụ H1 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên. Năm 1997, ông Trương Minh T5 tự ý đứng tên và đăng ký kê khai thửa đất. Ngày 23/02/1999, ông T5 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa có ý kiến của các đồng thừa kế của cụ T7. Năm 2005, cụ H1 chết, không để lại di chúc.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là diện tích 1.092m^2 đất thuộc thửa số 219 nêu trên do vợ chồng cụ T7, cụ H1 để lại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 219, tờ bản đồ số 42 nêu trên do ông Trương Minh T5 đứng tên chủ sử dụng.

Bị đơn là Trần Thị Lan H trình bày:

Bà là vợ của ông Trương Minh T5. Cụ Trương T7 và cụ Ngô Thị H1 khi còn sống sinh được 07 người con như nguyên đơn đã trình bày. Năm 1987, bà và ông Tòa án nhân dân kết hôn và chuyển về sống tại thửa đất số 219, tờ bản đồ 42, diện tích 1.092m^2 tại địa chỉ Tổ dân phố 1 Phương X, phường Bắc N (trước đây thuộc xã Nghĩa N), thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Khi bà về ở cùng vợ chồng cụ H1, cụ T7 còn có 02 em của ông T5 sống cùng vợ chồng bà. Cụ T7 chết ngày 01/04/1993, cụ H1 chết ngày 20/02/2005 và ông T5 chết vào ngày 01/01/2012.

Thửa đất số 219 nêu trên đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Minh T5 vào năm 1999, cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện việc thông báo, niêm yết công khai và lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất, khi đó cụ H1 vẫn còn sống khỏe mạnh, minh mẫn nhưng cụ H1 cũng như các anh, chị, em của ông T5 đều không phản đối.

Năm 2000, do nhà cũ xuống cấp nên vợ chồng bà đã xây dựng căn nhà mới một tầng mái đổ bê tông, cạnh ngôi nhà cũ, còn ngôi nhà cũ vợ chồng bà đã tháo dỡ và xây dựng thành công trình phụ để chăn nuôi gia cầm. Vợ chồng bà có họp bàn xin ý kiến cụ H1 và các anh chị em của ông T5 để đập bỏ nhà cũ, xây nhà mới để thuận tiện cho việc phụng dưỡng cụ H1 và thờ cúng ông bà tổ tiên. Năm 2007, vợ chồng bà xây dựng thêm tầng thứ hai và lợp thêm mái ngói. Năm 2020, bà và con trai sửa nhà thêm lần nữa. Quá trình làm nhà, sửa chữa nhà nhiều lần không hề có bất kỳ ý kiến, phản đối nào của các anh chị em trong gia đình ông T5, trong đó có cả bà Trương Thị T.

Ngoài ra, bà được biết vợ chồng cụ H1 trước đây sinh sống tại xóm Làng theo cách gọi ở địa phương (nay là Cụm 1, Tổ dân phố 1 Phương X), sau đó do chiến tranh đã sơ tán lên xóm C (nay thuộc Tổ dân phố 1, phường Đồng S), mãi sau này mới chuyển về ở với vợ chồng bà tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42 hiện tại (thuộc Cụm 3, Tổ dân phố 1 Phương X). Tức là nguồn gốc đất đai, nhà cửa của vợ chồng cụ H1 là ở nơi khác.

Sau khi ông T5 chết, bà ở vậy nuôi dạy hai con là anh Trương Minh T6 và chị Trương Thị Hoài P và chăm lo thờ phụng ông bà tổ tiên.

Cụ T7 chết ngày 01/4/1993, tại thời điểm này thửa đất số 219 nêu trên vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo quy định của pháp luật thời kỳ này thì đất đai không phải là di sản thừa kế. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Bà Trương Thị Thúy C, bà Trương Thị T2, anh Trương Minh D, chị Trương Thị T4 trình bày:* Thống nhất với nội dung mà nguyên đơn là bà Trương Thị T đã trình bày.

- *Chị Trương Thị Hoài P và anh Trương Minh T6 trình bày:* Thống nhất với nội dung mà bị đơn là bà Trần Thị Lan H đã trình bày.

- *Ủy ban nhân dân phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình trình bày:* Ủy ban nhân dân phường Bắc N được tách ra từ xã Nghĩa N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42 nêu trên thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân phường Bắc N. Tuy nhiên, các tài liệu liên quan đến quá trình sử dụng thửa đất số 219 không được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa N giao lại. Vì vậy, hiện tại Ủy ban nhân dân phường Bắc N không có tài liệu liên quan đến thửa đất nêu trên để cung cấp cho Tòa án.

- *Ủy ban nhân dân thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình trình bày tại văn bản số 07/UBND-TNMT ngày 05/01/2022*:

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng H không có hồ sơ lưu giữ đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Minh T5. Qua xem xét, việc Ủy ban nhân dân thị xã Đồng H (nay là thành phố ĐH) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42 nêu trên cho ông T5 vào năm 1999 là đúng thẩm quyền theo quy định. Từ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5 đến nay Ủy ban nhân dân thành phố Đồng H không nhận được khiếu nại liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5.

Việc xác định thửa đất số 217, tờ bản đồ 299 xã Nghĩa N lập năm 1993 và thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42, xã Nghĩa N lập năm 1997 có phải là một thửa đất đề nghị Tòa án liên hệ với UBND phường Bắc N để được giải quyết theo quy định.

Việc cung cấp bản đồ 299, sổ địa chính xã Nghĩa N lập năm 1993 và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42 nêu trên đề nghị Tòa án liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng H để được giải quyết theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 29/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 865684, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00684QSDĐ/133/QĐ-UB ngày 23/02/1999, tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.092m^2 do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng H cấp mang tên ông Trương Minh T5.

2. Xác định di sản thừa kế của vợ chồng cụ Trương T7 và cụ Ngô Thị H1 để lại là thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.092m^2 (trong đó đất ở là 200m^2, đất vườn 829m^2) tại phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng H (nay là thành phố Đồng H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 865684, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00684QSDĐ/133/QĐ-UB ngày 23/02/1999 mang tên ông Trương Minh T5. Trong đó, phần diện tích đất của cụ Ngô Thị H1 được xác định là 546m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 446m^2 đất vườn) đã tặng cho ông Trương Minh T5; còn phần diện tích đất của cụ Trương T7 là 546m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 446m^2 đất vườn) có giá trị 764.400.000 đồng thuộc thửa số 219, tờ bản đồ số 42 tại phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình là di sản thừa kế để chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T7 và một kỷ phần di sản giao cho người có công quản lý, tôn tạo, giữ gìn đất.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Trương T7 gồm: Cụ Ngô Thị H1 (chết năm 2005), ông Trương Minh T3 (chết năm 2000, các con ông T3 là anh Trương Minh D, anh Trương Xuân K và chị Trương Thị T4), ông Trương Minh T5 (chết năm 2012, vợ là bà Trần Thị Lan H và các con là chị Trương Thị Hoài P, anh Trương Minh T6), bà Trương Thị T, bà Trương Thị T2 và bà Trương Thị Thúy C.

4. Mỗi kỷ phần thừa kế được xác định cụ thể 546m^2(trong đó có 100m^2 đất ở và 446m^2 đất vườn): 7 kỷ phần bằng nhau (trong đó có 06 kỷ phần chia theo hàng thừa kế và 01 kỷ phần giao cho người có công quản lý, tôn tạo, giữ gìn đất) = 78 m^2 (trong đó gồm 14,29m^2 đất ở, 63,71m^2 đất vườn). Mỗi kỷ phần được xác định trị giá 78m^2 x 1.400.000đ/m^2= 109.200.000 đồng.

5. Di sản thừa kế được phân chia cụ thể (có sơ đồ kèm theo):

5.1. Bà Trương Thị T được nhận diện tích 74m^2 đất (trong đó đất ở 14,29m^2, đất vườn 59,73m^2), trị giá 103.600.000 đồng và được nhận tiền chênh lệch 04m^2 đất, trị giá 5.600.000 đồng từ bà Trần Thị Lan H và các con của bà Trần Thị Lan H (có tứ cận kèm theo). Trên phần đất được nhận, phía Đông có 5,27m hàng rào xây gạch, đổ trụ trị giá 5.428.100 đồng; phía Bắc có 9,90m hàng rào đổ trụ giăng lưới B40 trị giá 1.643.400 đồng và 5,30m xây gạch đổ trụ trị giá 4.929.000 đồng và 75 cây chuối trị giá 1.897.500 đồng do bà Trần Thị Lan H và các con của bà Trần Thị Lan H làm và trồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 13.898.000 đồng. Bà Trương Thị T được nhận 117.498.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Trần Thị Lan H

và các con của bà H số tiền 8.298.000 đồng (cụ thể tài sản trên đất trị giá 13.898.000 đồng nhưng trừ tiền chênh lệch 04m² đất, trị giá 5.600.000 đồng bà H phải trả cho bà T). Bà Trương Thị T được nhận là 109.200.000 đồng.

5.2. Ông Trương Minh T3 (có các con là anh Trương Minh D, anh Trương Xuân K và chị Trương Thị T4) được nhận diện tích 74m² đất (trong đó đất ở 14,29m², đất vườn 59,73m²), trị giá 103.600.000 đồng và được nhận tiền chênh lệch 04m² đất, trị giá 5.600.000 đồng từ bà Trần Thị Lan H và các con của bà H (có tứ cận kèm theo). Trên phần diện tích đất được nhận, phía Đông có 5,27m hàng rào xây gạch đổ trụ, trị giá 5.428.100 đồng và 75 cây chuối, trị giá 1.897.500 đồng do bà H làm và trồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 7.325.600 đồng. Tổng cộng anh Trương Minh D, anh Trương Xuân K, chị Trương Thị T4 được nhận 116.525.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H số tiền 1.725.600 đồng (cụ thể tài sản trên đất trị giá 7.325.600 đồng nhưng trừ tiền chênh lệch 04m² đất, trị giá 5.600.000 đồng bà H phải trả cho ông T3). Anh Trương Minh D, anh Trương Xuân K, chị Trương Thị T4 được nhận 109.200.000 đồng.

5.3. Bà Trương Thị T2 được nhận 78,6m² đất (trong đó đất ở 14,29m², đất vườn 64,31m²), trị giá 110.040.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm trả tiền chênh lệch 0,6m² đất, trị giá 840.000 đồng cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H (có tứ cận kèm theo). Trên đất được nhận, phía Bắc có 15,20m hàng rào xây gạch, đổ trụ trị giá 4.929.000 đồng và 75 cây chuối trị giá 1.897.500 đồng do bà H làm và trồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 12.254.600 đồng. Tổng cộng bà Trương Thị T2 được nhận 122.294.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho bà Trần Thị Lan H và các con bà H số tiền 13.094.600 đồng (cụ thể tài sản trên đất trị giá 12.254.600 đồng và tiền chênh lệch 0,6 m² đất trị giá 840.000 đồng phải trả cho bà Trần Thị Lan H). Bà Trương Thị T2 được nhận 109.200.000 đồng.

5.4. Bà Trương Thị Thúy C được nhận diện tích 78,6m² đất (trong đó đất ở 14,29m², đất vườn 64,31m²) trị giá 110.040.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch 0,6m² đất trị giá 840.000 đồng cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H (có tứ cận kèm theo). Trên đất được nhận, phía Tây có 5,30m hàng rào đổ trụ trị giá 4.929.000 đồng và 75 cây chuối trị giá 1.897.500 đồng do bà H làm và trồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 6.826.500 đồng. Tổng cộng bà Trương Thị Thúy C được nhận 116.866.500 đồng, nhưng phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H số tiền 7.666.500 đồng (cụ thể tài sản trên đất trị giá 6.826.500 đồng và tiền chênh lệch 0,6m² đất trị giá 840.000 đồng phải trả cho bà H). Bà Trương Thị Thúy C được nhận 109.200.000 đồng.

5.5. Ông Trương Minh T5 (có các thừa kế là bà H và các con là chị Trương Thị P và anh Trương Minh T6) được nhận tổng diện tích 786,8m² đất (đất ở 142,87m², đất vườn 643,93m²) trị giá 1.101.520.000 đồng, (trong đó phần cụ Hồ Thị H2 tặng cho có diện tích 624m² (đất ở 114,29m², đất vườn 509,71m²), ông T5

được nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế, 01 kỷ phần có công tôn tạo, tu bổ, giữ gìn đất) có diện tích 156m^2(28,58m^2 đất ở, đất vườn 127,42m^2) và diện tích 6,8m^2 chênh lệch đất của bà T, ông T3, bà T2 và bà C (có tứ cận kèm theo). Và được sử dụng toàn bộ số tài sản do bà H, ông T5 và các con tạo lập trên diện tích đất gồm: 01 căn nhà 02 tầng; ngôi nhà gỗ có diện tích 34m^2; 21,35m^2 mái tôn che sân; tường rào 1,4m trước nhà; tường rào cao 1,6m bên phải nhà; tường rào cao 1,2m phía sau nhà; 104,5m^2 nền sân; phần ngôi nhà cũ 31,9m^2; 01 giếng nước; cửa cổng sắt; trụ và mái cổng; 13 cây cau; 07 cây ổi, 02 cây khế; 01 cây bưởi; 05 cây mai, 01 cây mưng; 200m^2 rau, 75 cây chuối và toàn bộ gía trị các tài sản trên đất mà các đồng thừa kế giao lại.

Các đồng thừa kế có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Trần Thị Lan H, anh Trương Minh T6 và chị Trương Thị Hoài P số tiền 30.784.100 đồng, cụ thể:

Các con ông Trương Minh T3: Trương Minh D, Trương Xuân K và Trương Thị T4 phải trả cho bà Trần Thị Lan H và các con bà H số tiền 1.725.600 đồng; bà Trương Thị T phải trả cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H số tiền 8.298.000 đồng; bà Trương Thị T2 phải trả cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H số tiền 13.094.600 đồng và bà Trương Thị Thúy C phải trả cho bà Trần Thị Lan H và các con của bà H tài sản trên đất trị giá 7.666.500 đồng.

Tổng cộng bà Trần Thị Lan H và các con của bà H được nhận 1.132.304.100 đồng (Trong đó di sản thừa kế được nhận là 1.101.520.000 đồng và 30.784.100 đồng các đồng thừa kế giao chênh lệch tài sản).

6. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 865684, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00684QSDĐ/133/QĐ-UB ngày 23/02/1999 tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.092m^2 do Uỷ ban nhân dân thị xã Đồng H, tỉnh Quảng Bình cấp mang tên ông Trương Minh T5 để cấp lại cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/7/2022, bà Trần Thị Lan H, chị Trương Thị Hoài P và anh Trương Minh T6 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 11/7/2022, bà Trương Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 223/2022/DS-PT ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Trương Thị T; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lan H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Hoài P và anh Trương Minh T6; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh

Quảng Bình.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trương T7 và cụ Ngô Thị H1 là 1.092m^2 đất có số thửa 219, tờ bản đồ số 42 tại xóm L, Nghĩa N, Đồng H, Quảng Bình (nay là Tổ dân phố 1 Phương X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau đó, bà Trương Thị T có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/QĐ-VKS-DS ngày 15/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 223/2022/DS-PT ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án phúc thẩm, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên,

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về huyết thống gia đình: cụ Trương T7 (chết năm 1993) và cụ Ngô Thị H1 (chết năm 2005) sinh được 07 người con gồm: bà Trương Thị A (chết lúc còn nhỏ), ông Trương Văn T8 (liệt sỹ, hy sinh năm 1972, không vợ, con), ông Trương Minh T3 (chết năm 2000 có 03 người con là anh Trương Minh D, anh Trương Xuân K và chị Trương Thị T4), bà Trương Thị T2, ông Trương Minh T5 (chết năm 2012, có vợ là bà Trần Thị Lan H và 02 con là chị Trương Thị Hoài P và anh Trương Minh T6), bà Trương Thị Thuý C và bà Trương Thị T.

[2] Nguyên đơn là bà Trương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T2, bà Trương Thị Thúy C, anh Trương Minh D, anh Trương Xuân K và chị Trương Thị T4 cho rằng thửa đất 219, tờ bản đồ số 42 tại Tổ dân phố 1 Phương X, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (trước đây là thửa 217 theo bản đồ 299 năm 1993 tại xóm L, xã Nghĩa N, thị xã Đồng H, tỉnh Quảng Bình) là của vợ chồng cụ Trương T7 để lại, trên đất có nhà cấp 4, giếng nước và công trình phụ nhưng sau này vợ chồng bị đơn đã phá nhà và công trình của vợ chồng cụ T7 để xây nhà kiên cố trên đất. Tài liệu nguyên đơn xuất trình là bản phô-tô Bản đồ 299 năm 1993 do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T lập thể hiện thửa đất số 217 đứng tên cụ T7.

[3] Bị đơn là bà Trần Thị Lan H có lời khai không thống nhất về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: có lúc bà H cho rằng thửa đất đang tranh chấp là do ông Trương Minh T5 tạo lập, cụ T7, cụ H1 sống ở nơi khác sau chiến tranh mới

chuyển về thửa đất đang tranh chấp sống cùng ông T2; tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có lời khai xác định năm 1987 bà H kết hôn với ông T5 về ở thì đã có nhà, đất của vợ chồng cụ H, khi ông T2 làm thủ tục đăng ký kê khai có sự đồng ý của cụ H1 cho vợ chồng bà H thửa đất nêu trên, sau đó vợ chồng bà H đã phá bỏ nhà cũ và xây nhà mới, hiện chỉ còn giếng nước. Tuy nhiên, bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông T5 tạo lập thửa đất cũng như việc cụ H1 tặng cho vợ chồng bà H thửa đất nêu trên. Tài liệu bà H xuất trình là Sổ mục kê đất tạm thời năm 1997 tại xã Nghĩa N, thị xã Đồng H, tỉnh Quảng Bình do ông T5 đứng tên thửa đất số 219, diện tích 1.092m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/02/1999 do ông T5 đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 219, tờ bản đồ số 42 nêu trên.

[4] Lời khai của ông Trương G, ông Trần Văn D1, bà Trương Thị L1, ông Trương C1, ông Đoàn T9 là những người hàng xóm sống gần thửa đất tranh chấp có lời khai xác nhận cụ T7, cụ H1 về sống trên đất tranh chấp từ năm 1980 cùng với vợ chồng ông T5, thửa đất hiện tranh chấp do vợ chồng ông T5 cùng nhau tạo lập. Tuy nhiên, sau đó ông Trương C1 có giấy xác nhận ngày 12/4/2022 với nội dung đính chính lại lời khai trước đó của ông C1 là đầu năm 1970, gia đình cụ T7 đã về thửa đất đó tạo lập xây nhà ở đó lúc các con đang học hành (ông T5 năm 1980 đang học trung học phổ thông).

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại Ủy ban nhân dân thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình yêu cầu cung cấp hồ sơ đăng ký, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền nêu trên xác nhận đơn vị không lưu giữ hồ sơ đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T5.

[6] Như vậy, dù lời khai có lúc khác nhau, nhưng bị đơn là bà Trần Thị Lan H có thừa nhận đất tranh chấp do vợ chồng cụ H1 cho ông T5, nhà cũ của vợ chồng cụ H1 đã được vợ chồng bà H1 phá dỡ từ năm 2000 để xây nhà mới, hiện chỉ còn giếng nước. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất tranh chấp là di sản của vợ chồng cụ T7, cụ H1 để lại. Cụ T7 chết trước khi Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật, nhưng vợ chồng cụ T7 có căn nhà và các vật kiến trúc trên đất đã sử dụng từ trước năm 1987 nên có căn cứ xác định thửa đất tranh chấp là di sản của cụ T7, cụ H1 để lại theo quy định tại điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/4/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại thời điểm ông T5 đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 thì thời hiệu về chia thừa kế của cụ T7 vẫn còn, nhưng chưa có ý kiến của các thừa kế của cụ T7 đồng ý cho ông T5 thửa đất nêu trên nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5 là không đúng quy định của pháp luật. Cụ T7 chết năm 1993, cụ H1 chết năm 2000; cả hai cụ không để lại di chúc; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ T7, cụ H1 vào năm 2021 thì

thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ T7, cụ H1 vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất tranh chấp là di sản của cụ T7, cụ H1 để lại là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khi ông T5 đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 thì cụ H1 còn sống, cụ H1 biết mà không phản đối nên công nhận việc tặng cho phần di sản của cụ H1 cho vợ chồng ông T5 là không đúng vì tại thời điểm ông T5 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc tặng cho bất động sản phải lập thành văn bản, có công chứng hoặc chứng thực và phải đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1995.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng ông T5 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp tại thời điểm cụ H1 còn sống, vợ chồng ông T5 đã đập bỏ nhà cũ để xây nhà mới đều được cụ H1 và những người thừa kế của cụ T7 biết nhưng không ai phản đối để áp dụng tương tự Án lệ số 03/2016/AL ngày 04/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha mẹ và con là không đúng. Thửa đất tranh chấp trong vụ án này có sự sử dụng kế thừa từ vợ chồng cụ H1 để lại cho vợ chồng bà H, không có sự sử dụng độc lập như tình huống trong Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và các thừa kế còn lại của cụ T7, cụ H1 là không đúng.

[9] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án cũng chưa đúng quy định của pháp luật nên cần phải hủy Bản án sơ thẩm nêu trên. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343, khoản 2 Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/QĐ-VKS-DS ngày 15/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 223/2022/DS-PT ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về vụ án *"Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là bà Trương Thị T với bị đơn là bà Trần Thị Lan H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ Tổng hợp TANDTC;
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GĐKT II TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Minh